

Bản án số: 282/2022/DS-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, Tầng 2 Tòa nhà S, phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Hoàng A, ông Huỳnh Tấn Công H, ông Phạm Quốc K, là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền số 007982.22 ngày 15/02/2022; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông H có mặt, ông Hoàng A và ông K vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn G, sinh năm 1989, địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (ông G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V chi nhánh T có ký với ông Lê Văn G hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 với nội dung cho ông G vay cụ thể như sau: Số tiền giải ngân: 546.000.000 đồng. Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Thời hạn vay: 84 tháng, từ 19/4/2019 đến 18/4/2026. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 18, trả phí theo quy định của V từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 18 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 18/5/2019, mỗi kỳ trả 6.500.000 đồng, tháng cuối trả 6.500.000 đồng. V đã giải ngân cho ông G theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0350.KUNN.V686.19 ngày 18/4/2019 với số tiền 546.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông G đã thanh toán nợ gốc được 58.600.000 đồng, thanh toán lãi 35.288.083 đồng. Kể từ ngày 18/8/2020 ông G không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Từ ngày 19/12/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn. Tạm tính đến 03/8/2022, ông G còn nợ Ngân hàng số tiền theo hợp đồng trên là 689.350.876 đồng, trong đó: nợ gốc là 487.400.000 đồng, lãi trong hạn 47.969.259 đồng, lãi quá hạn 153.981.616 đồng.

Ngày 02/3/2019, ông Lê Văn G có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông G với hạn mức 30.000.000 đồng, loại thẻ V Financial Free, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên từ ngày 28/12/2021 Ngân hàng đã khóa thẻ. Tổng số tiền ông G đã sử dụng thẻ là 181.910.892 đồng, đã thanh toán nợ gốc 151.934.583 đồng, thanh toán lãi 3.235.973 đồng, thanh toán phí 3.306.138 đồng. Tạm tính đến ngày 3/8/2022, ông G còn nợ Ngân hàng số tiền của thẻ tín dụng là 128.141.156 đồng, bao gồm: nợ gốc: 29.976.309 đồng, lãi: 18.618.445 đồng, tổng phí phát sinh (phí chưa thanh toán gồm phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên thẻ chính) là 79.546.402 đồng.

Do đó, Ngân hàng V yêu cầu ông G phải thanh toán ngay cho ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 và thẻ tín dụng là: 689.350.876 đồng + 128.141.156 đồng = 817.492.032 đồng và yêu cầu ông G phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 4/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị phát hành thẻ đã ký kết với Ngân hàng.

Ngoài ra, ông G có ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng V một tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại HILUX, biển kiểm soát 51D-473.40, giấy chứng nhận đăng ký xe số 456921 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2019, do ông G đứng tên chủ xe, tài sản bảo đảm nêu trên đã được V đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định. Tuy nhiên, V không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm này.

Bị đơn, ông Lê Văn G mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn Công H trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Văn G phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 12/9/2022 là 827.507.100 đồng, trong đó nợ của hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 là 699.365.944 đồng (gồm nợ gốc: 487.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 47.969.259 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.996.685 đồng, và nợ thẻ tín dụng là 128.141.156 đồng (gồm nợ gốc chưa thanh toán là 29.976.309 đồng, lãi và phí phát sinh là: 98.164.847 đồng). Ngoài ra, yêu cầu ông G phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 13/9/2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký giữa hai bên, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định bị đơn có ký hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 12/9/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 827.507.100 đồng, trong đó nợ của hợp đồng tín dụng là 699.365.944 đồng (gồm nợ gốc: 487.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 47.969.259 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.996.685 đồng, và nợ thẻ tín dụng là 128.141.156 đồng (gồm nợ gốc chưa thanh toán là 29.976.309 đồng, lãi và phí phát sinh là: 98.164.847 đồng). Do đó, Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463,

466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Lê Văn G. Theo kết quả xác minh của công an Phường X, quận Y thì “đương sự Lê Văn G, sinh năm 1989 có đăng ký thường trú Phường X, quận Y, đã bán nhà đi tạm trú tại phường B, thành phố T”. Tuy nhiên, công an phường B, thành phố T trả lời xác minh “Tại phường B, thành phố T không có ai tên Lê Văn G, sinh năm 1989 đăng ký tạm trú và không thực tế cư trú”. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn Công H có mặt, các ông Phạm Quốc K và Diệp Hoàng A có đơn xin vắng mặt. Bị đơn – ông Lê Văn G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu bị đơn - ông Lê Văn G thanh toán số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 số tiền 699.365.944 đồng và thẻ tín dụng số tiền 128.141.156 đồng, tổng cộng: 827.507.100 đồng và yêu cầu ông G phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 4/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị phát hành thẻ đã ký kết với Ngân hàng:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 ký giữa nguyên đơn và bị đơn; xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần V có cho ông G vay số tiền 546.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô, đã giải ngân ngày 18/4/2019, phương thức thanh toán hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19, ông G chỉ thanh toán nợ gốc được 58.600.000 đồng, thanh toán lãi 35.288.083 đồng đến ngày 18/8/2020. Từ ngày 19/12/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 12/9/2022, ông G còn nợ nguyên đơn số tiền theo hợp đồng trên là 699.365.944 đồng, trong đó: nợ gốc là 487.400.000 đồng, lãi trong hạn 47.969.259 đồng, lãi quá hạn 163.996.685 đồng.

[2.2] Căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019, bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng V thì có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng. Theo đó, V cấp thẻ tín dụng cho ông G với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019, ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tổng số tiền ông G đã sử dụng thẻ là 181.910.892 đồng, đã thanh toán nợ gốc 151.934.583 đồng, thanh toán lãi 3.235.973 đồng, thanh toán phí 3.306.138 đồng. Tính đến ngày 12/9/2022, ông G còn nợ nguyên đơn số tiền của thẻ tín dụng là 128.141.156 đồng, bao gồm: nợ gốc: 29.976.309 đồng, lãi và phí phát sinh là: 98.164.847 đồng.

[2.3] Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, tuy những lời trình bày, cung cấp tài liệu, chứng cứ chỉ từ một phía nguyên đơn, nhưng Tòa án đã thực hiện việc thông báo, triệu tập hợp lệ, thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và đăng báo, đài của Trung ương 03 số liên tiếp nhưng bị đơn - ông G vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, cho thấy ông G đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Đối chiếu lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy, ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết với nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu ông G phải trả ngay một lần số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 là 699.365.944 đồng và số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019 là 128.141.156 đồng, tổng cộng: 827.507.100 đồng, và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 13/9/2000 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đã ký với nguyên đơn, là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 36.825.213 đồng do ông Lê Văn G phải chịu. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.819.560 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V

1.1 Buộc ông Lê Văn G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 827.507.100 (tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm lẻ bảy ngàn một trăm) đồng. Cụ thể:

-Số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 là 699.365.944 đồng (bao gồm: nợ gốc là 487.400.000 đồng, lãi trong hạn 47.969.259 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2022 là 163.996.685) đồng.

-Số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019 là 128.141.156 đồng (bao gồm: nợ gốc là 29.976.309 đồng, lãi và phí phát sinh là 98.164.847) đồng.

1.2 Ông Lê Văn G còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V các khoản tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 13/9/2022 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng số 0350.HĐTD.V686.19 ngày 18/4/2019 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/3/2019, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 36.825.213 (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm mười ba) đồng do ông Lê Văn G phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.819.560 (mười lăm triệu tám trăm mười chín ngàn năm trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0031134 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

